TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 73/2025/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 20 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 1125/2024/HNST ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: Ông **Trương Thanh B**, sinh năm: 1976

Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: 2.02 Lô B, chung cư H, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người yêu cầu: Bà **Võ Thị Duy B1**, sinh năm: 1980

Nơi đăng ký thường trú: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Nơi cư trú: 38 đường số I, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 10/01/2025, các đương sự đã thực sự tự nguyện ly hôn; Bà Võ Thị Duy B1 và ông Trương Thanh B thuận tình ly hôn với nhau đã thỏa thuận được với nhau về việc thuận tình ly hôn.

[2] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Võ Thị Duy B1 và ông Trương Thanh B thuận tình ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19/12/2014 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Võ Thị Duy B1 và ông Trương Thanh B xác nhận có 01 (một) người con chung tên Trương Đình B2, sinh ngày 03/11/2014 (giới tính: Nam).

Hiện nay trẻ Trương Đình B2 đang sống cùng bà Võ Thị Duy B1. Bà Võ Thị Duy B1 và ông Trương Thanh B thống nhất thỏa thuận giao trẻ Trương Đình B2 cho bà B1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ Bách mỗi tháng 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu) đồng, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 (năm) dương lịch của tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 05/02/2025.

Trường hợp ông Bảo C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357,Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ông B có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, về nợ chung và các vấn đề khác: Bà Võ Thị Duy B1 và ông Trương Thanh B xác nhận không có.

- Về lệ phí: Bà Võ Thị Duy B1 và ông Trương Thanh B chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thuận tình ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà B1 và ông B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0051640 ngày 25/12/2024 của Chi cục thi hành án

dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị Duy B1 và ông Trương Thanh B đã nộp đủ lệ phí.

2. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM; (1)
- VKSND H.BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- UBND xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu: VP, hồ sơ; (3)

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Duy Linh

2 000016 753202